TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Quỳnh Nương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi***: Bà Hà Thị Cẩm Linh - kiểm sát viên.

Ngày 30/05/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/DS - ST ngày 23/01/2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST - DS ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: số 266 - 268 đường N, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền số: 1656/2018/GUQ - PL ngày 06/6/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Vũ T, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Quảng Ngãi và bà Thái Thị L, chức vụ Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Quảng Ngãi.

Địa chỉ chi nhánh: số 449 đường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Bà L có mặt tại phiên tòa.

2.*Bị đơn*: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn Điền H, xã Nghĩa Đ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Bà Hạnh vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Thái Thị L - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Quảng Ngãi (viết tắt là Ngân hàng) có cho bà Bùi Thị H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 01142 - 00100 ngày 05/05/2017 với số tiền vay 50.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm khô; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay: 1,35%/tháng; phương thức trả nợ: Gốc và lãi trả hàng ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị H đã vi phạm hợp đồng, chỉ trả được số tiền nợ gốc, nợ lãi đến hết tháng 10/2018 là 35.150.000đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 24.300.000đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.401.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.549.000đồng, tiền nợ lãi quá hạn 1.350.000đồng (tiền nợ lãi tính đến ngày 30/5/2019) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/5/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 01142 - 00100 ngày 05/05/2017 đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn là bà Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn chuẩn bị xét xử, trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên

đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 24.300.000đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.401.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.549.000đồng, tiền nợ lãi quá hạn 1.350.000đồng (tiền nợ lãi tính đến ngày 30/5/2019) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/5/2019 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà Bùi Thị H đang cư trú tại thôn Điền H, xã Nghĩa Đ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà H đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Bùi Thị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ do Ngân hàng Thương mại cổ phần S cung cấp cho Tòa án có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 30/5/2019 bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 24.300.000đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.401.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.549.000đồng, tiền nợ lãi quá hạn 1.350.000đồng

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị H phải trả tổng số tiền 24.300.000đồng, trong đó tiền nợ gốc 19.401.000đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.549.000đồng, tiền nợ lãi quá hạn 1.350.000đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/5/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 01142 - 00100 ngày 05/05/2017 đã ký kết cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại Hợp đồng tín dụng số 01142-00100 ngày 05/05/2017 thể hiện thì tài sản bảo đảm khoản vay là sạp Hàng cá chợ Châu Sa, ngoài ra theo Hợp đồng liên kết giữa Ngân hàng với Ban quản lý chợ Châu Sa (gọi tắt là BQL) ngày 12/10/2016 quy định: nếu bà H chậm thanh toán nợ vay quá 10 ngày, Ngân hàng tiến hành thu hồi điểm kinh doanh và phối hợp với BQL chuyển nhượng sạp để thu hồi nợ vay. BQL được hưởng 03% số tiền lãi vay mà Ngân hàng thực thu của bà H. Tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ, Ngân hàng và BQL đều thừa nhận: Chợ Châu Sa không có kiốt, lô sạp mà thực chất chỉ là chỗ ngồi để buôn bán, đây khoản vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, bà H không có quyền sử dụng sạp chợ. Ngân hàng lấy biểu mẫu hồ sơ cho vay của tiểu thương chợ Quảng Ngãi áp dụng cho tiểu thương chợ Châu Sa, giấy đề nghị vay vốn theo mẫu BQL xác nhận tại thời điểm vay bà H có kinh doanh tại chợ chứ thực tế và Ngân hàng cũng không chi hoa hồng 3% cho BQL như hợp đồng liên kết đã thể hiện. Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng, giải ngân và thu hồi vốn vay không thông báo cho BQL biết nên BQL không có trách nhiệm hay quyền lợi gì đối với khoản vay này, do đó Tòa án không đưa Ban quản lý chợ Châu Sa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.300.000đồng x 5% = 1.215.000đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV H14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 24.300.000đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 19.401. 000đồng (Mười chín triệu, bốn trăm lẻ một ngàn), tiền nợ lãi trong hạn là 3.549.000đồng (Ba triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng), tiền nợ lãi quá hạn là 1.350.000đ(Một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng), tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2019.

3. Buộc bà Bùi Thị H phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 01142 - 00100 ngày 05/05/2017 đã ký kết từ ngày 31/5/2019 cho đến khi trả xong nợ.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 1.215.000đ(Một triệu, hai trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004071 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Dung